TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU KHU VỰC 8 - HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 161/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 03 - 2026
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thúy;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Xuân Trường;

Bà Phạm Thị Hưởng;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Như Hoàng Hải - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hà Nội;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 399/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2025 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 42/2026/QĐ-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Mai H, sinh năm 1976; Nơi ĐKHKTT: TDP số 8, T, phường X, Thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: P905 CT6 MHDI, TDP P, phường T, Thành phố Hà Nội; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: anh Nguyễn Hoàng S, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số nhà C, đường Đ, thôn Đ, xã H, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời trình bày của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Mai H: chị và anh Nguyễn Hoàng S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện H nay là xã H, Thành phố Hà Nội vào ngày 20/03/1998. Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên đến năm 2007, hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do hai bên nhiều khác biệt trong quan điểm sống, không hợp nhau, cuộc sống hôn nhân không có tiếng nói chung, không hạnh phúc, vợ chồng không thể nói chuyện cùng nhau. Chị và anh S đã sống ly thân từ năm 2016 cho tới nay. Nay

chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Về con chung: chị và anh S có hai con chung là anh Nguyễn Hoàng H1, sinh năm 1998; anh Nguyễn Hoàng M, sinh năm 2005. Anh H1 và anh M đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động.

Về tài sản, nợ chung và công sức đóng góp với gia đình anh S: chị H trình bày chị và anh S không có tài sản chung. Chị cũng không có đóng góp gì vào khối tài sản của gia đình anh S. Khi ly hôn chị không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản.

Bị đơn, ông Nguyễn Hoàng S đã được Tòa án thông báo cho biết các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng trong suốt thời gian chuẩn bị xét xử anh S đều không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến, đề nghị của anh đối với các yêu cầu khởi kiện. Tòa án đã thông báo cho anh S đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh S đều vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã ghi lời khai của bà Hoàng Thị H2, mẹ đẻ anh S, để tìm hiểu tình trạng hôn nhân của chị H, anh S. Bà H2 cho biết: anh S kết hôn với chị H năm 1998. Sau khi kết hôn thì chị H và anh Sơn S1 cùng gia đình bà. Trong thời gian anh S và chị H sống cùng gia đình bà thì vợ chồng chị H, anh S cũng thỉnh thoảng xảy ra mâu thuẫn. Cách đây khoảng vài năm thì chị H mua chung cư ngoài Hà Nội và đã dọn ra ngoài sống không còn chung sống cùng với anh S.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên toà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hà Nội tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Mai H, xử cho chị H và anh S ly hôn. Về con chung: Các con đều thành niên, có đủ năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động nên không xem xét về quyền nuôi con chung. Về tài sản chung: không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Mai H có đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Hoàng S. Anh S có nơi thường trú tại xã H, Thành phố Hà Nội. Vì vậy, xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn", vụ án thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã hòa giải nhiều lần nhưng các đương sự không thể tự thỏa thuận với nhau để giải quyết toàn bộ vụ án nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử để xem xét theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do, nên Toà án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mai H và anh Nguyễn Hoàng S kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 20/03/1998 tại UBND xã D, huyện H nay là xã S, Thành phố Hà Nội là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chị H, anh S chung sống hạnh phúc cùng nhau. Đến năm 2007 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị H và anh S đã sống ly thân từ năm 2016, không còn quan tâm đến nhau. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận cho chị H và anh S ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: chị H và anh S có 2 con chung là anh Nguyễn Hoàng H1, sinh năm 1998 và anh Nguyễn Hoàng M, sinh năm 2005. Anh H1 và anh M đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động nên không đặt ra vấn đề xem xét về quyền nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức với hai bên gia đình: chị H không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: chị Nguyễn Thị Mai H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ các Điều 28, 35 và Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mai H.

1. Chị Nguyễn Thị Mai H được ly hôn anh Nguyễn Hoàng S.

2. Về con chung: chị H và anh S có 2 con chung là anh Nguyễn Hoàng H1, sinh năm 1998 và anh Nguyễn Hoàng M, sinh năm 2005. Anh H1 và anh M

đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động nên không đặt ra vấn đề xem xét về quyền nuôi con chung.

3. Về tài sản chung; công sức; công nợ: không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mai H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021492 ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H; chị H đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: chị Nguyễn Thị Mai H, anh Nguyễn Hoàng S có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 8 - Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 8 - Hà Nội;
- UBND xã H, Thành phố H
;- Các đương sự;- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thuý

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**